

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Hang Lòn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Hoàng Tuấn;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 48/CV-HT ngày 28/3/2024 của Công ty TNHH Hoàng Tuấn về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Mở khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (công suất 128.000m³ đá nguyên khối/năm) tại núi Hang Lòn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 544/TTr-STNMT ngày 05 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hoàng Tuấn địa chỉ tại Khu công nghiệp và Đô thị Hoàng Long, phường Long Anh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Mở khai thác và chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường (giai đoạn nâng công suất 128.000 m³ đá nguyên khối/năm) tại núi Hang Lòn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Mỏ đá vôi của Công ty TNHH Hoàng Tuấn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Núi Hang Lòn, xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800715307 do phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thanh Hóa cấp lần đầu ngày 19/9/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 28/01/2022.

1.4. Mã số doanh nghiệp: 2800715307

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác và chế biến khoáng sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng diện tích là 7,48 ha, trong đó: Diện tích khu vực khai thác là 6,11 ha và Diện tích khu vực khai trường là 1,37 ha.

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 128.000 m³ đá nguyên khối/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hoàng Tuấn:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hoàng Tuấn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này

và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 20 tháng 4 năm 2024 đến ngày 20 tháng 4 năm 2034).

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép số 125/GP-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh.

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hà Trung và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhân:

- Công ty TNHH Hoàng Tuấn;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Hà Trung;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước tháo khô mở khu vực khai thác và khu vực khai trường có lưu lượng là $234 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (tối đa $702 \text{ m}^3/\text{ngày}$).

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh lưu động có lưu lượng lớn nhất là $1,52 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (đơn vị có chức năng, thu gom, xử lý, không thải ra môi trường).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực núi Hang Lòn thuộc xã Hà Tân, huyện Hà Trung (tại góc phía Nam khu mỏ) → Nhánh sông Khe Rông.

2.2. Vị trí xả thải:

- Mương thoát nước chung của khu vực núi Hang Lòn thuộc xã Hà Tân, huyện Hà Trung (tại góc phía Nam khu mỏ).

- Tọa độ vị trí xả thải (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0): X = 2216054 (m); Y = 585279 (m).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $234 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (tương đương $702 \text{ m}^3/\text{ngày}$ – cơn mưa lớn thường kéo dài tối đa trong 03 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn tùy thuộc vào lượng mưa, chỉ xả trong trường hợp trời mưa to và kéo dài.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	49,5		
3	COD	mg/l	148,5		
4	TSS	mg/l	99		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		
6	Coliforms	MPN /100ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải đưa về công trình xử lý nước thải:

- Nguồn số 01: Nước tháo khô mả thu gom theo độ dốc tự nhiên bằng đường cống thoát nước D600, tổng chiều dài 204,3 m về ao lắng 03 ngăn để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý bằng 01 nhà vệ sinh di động, định kỳ thuê đơn vị có chức năng, thu gom, xử lý, không thải ra môi trường tại khu vực dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh di động: 01 nhà.

+ Dung tích bồn nước chứa nước 400 lít, dung tích bồn chứa phân 1.200 lít.

+ Nước thải và bùn thải: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng hút xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Công trình xử lý nước tháo khô mả:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước tháo khô mả → Ao lắng 03 ngăn nối tiếp nhau lần lượt từ ngăn số 01 đến ngăn số 03 (dung tích chứa tổng là 1.215 m³, kích thước dài x rộng x sâu: 30,0 x 13,5 x 3,0 m) → Nguồn tiếp nhận.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Định kỳ nạo vét hệ thống kênh, mương tiêu thoát nước, ao lắng nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/202/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng quy định về chất lượng nước thải được xả thải ra môi trường, xả thải vượt quá lưu lượng tối đa cho phép.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải./.

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi và khí thải từ quá trình khoan lỗ nổ mìn, nổ mìn.

- Nguồn số 02: Bụi và khí thải từ trạm nghiền, sàng.

2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý:

2.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01: Sử dụng công nghệ nổ mìn điện; sử dụng vật liệu nổ đúng quy định; bố trí phun nước dập bụi tại khu vực mở xung quanh khu vực khoan mìn; tổ chức nổ mìn cố định 2 ngày/lần, tuân thủ đúng thời gian nổ mìn theo hộ chiếu nổ mìn.

- Nguồn số 02:

+ Lắp đặt hệ thống phun ẩm giảm bụi tại dây chuyền nghiền sàng đá và cát.

+ Số lượng: 02 hệ thống (01 cho dây chuyền nghiền đá và 01 cho dây chuyền nghiền cát).

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải tại ao lắng → Máy bơm → Téc nước → Bơm tạo áp → Phun sương tại các bộ phận thùng cấp liệu, máy kẹp hàm, máy nghiền côn, sàng phân loại, đầu rót sản phẩm

2.2. Chất lượng môi trường tại khu vực sản xuất phải đáp ứng yêu cầu về điều kiện an toàn vệ sinh lao động theo QCVN 02:2019-BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, cụ thể:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 02:2019/BYT	QCVN 03:2019/BYT
1	Bụi	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	8.000	-
2	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	-	5.000
3	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	-	5.000
4	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	-	20.000

2.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2.4. Quan trắc khí thải định kỳ:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các giải pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh do hoạt động khoan nổ mìn, nổ mìn.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh khi hoạt động trạm nghiền, sàng.
- Nguồn số 03: Máy móc, thiết bị vận chuyển vật liệu.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung là nguồn phân tán hoặc di động thuộc khu vực mỏ khai thác của Công ty TNHH Hoàng Tuấn tại núi Hang Long, xã Hà Tân, huyện Hà Trung.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Các điểm tiếp xúc giữa máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung phải được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và hạn chế độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên CTNH	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	0,5
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 04	150
3	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	10
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	70
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	25
6	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	18 02 01	6
7	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	2
	Tổng		263,5

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

Lượng đất đá bóc tầng phủ được sử dụng toàn bộ cho hoạt động san gạt mặt bằng, không có hoạt động đổ thải tại bãi thải.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh(tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	4,62
	Tổng khối lượng	4,62

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa CTNH có nắp đậy, dung tích 200 lít;
- Thùng ghi nhãn mác của từng loại CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 15,0m².
- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyên giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

- Bùn thải từ nhà vệ sinh di động: Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng đựng chất thải rắn sinh hoạt dung tích 200 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt là 4,0m².

2.4. Chuyển giao chất thải

- Chỉ được chuyển giao chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý. Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và sinh hoạt đảm bảo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

1. Các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường:

1.1. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

- Cải tạo khu vực moong khai thác: Diện tích 4,216 ha. Tiến hành cạy gỡ đá treo; xây dựng biển cảnh báo nguy hiểm; san gạt đất khu vực khai thác, phủ đất màu, trồng cỏ gừng.

- Cải tạo khu vực khai trường: Diện tích 1,37ha. Di dời máy móc, thiết bị; tháo dỡ các hạng mục công trình phụ trợ; nạo vét ao lắng; san gạt mặt bằng; phủ đất màu, trồng cây keo tai tượng Úc.

- Cải tạo khu vực xung quanh: Nạo vét hệ thống thoát nước ngoài mỏ; cải tạo đường giao thông ngoài mỏ.

- Khối lượng cải tạo phục hồi môi trường:

TT	Phương án cải tạo phục hồi môi trường	Đơn vị	Khối lượng
A	Khu vực moong khai thác		
1	Cạy gỡ đá treo bằng thủ công	m ³	66,7
2	Làm biển báo bê tông cốt thép, loại tam giác 0,7x0,7x0,7m	cái	10
3	Chi phí xây dựng cột biển báo	cái	10
4	San gạt mặt bằng	100m ³	126,48
5	Mua đất màu	m ³	4.216
6	Trồng cỏ gừng	ha	4,216
B	Khu vực sân công nghiệp		
1	Phá dỡ tường gạch	m ³	10,28
2	Phá dỡ nền móng xi măng không cốt thép	m ³	0,72
3	Phá dỡ móng đá hộc	m ³	3,31
4	Tháo dỡ cửa lớn, cửa sổ	m ²	6,72

TT	Phương án cải tạo phục hồi môi trường	Đơn vị	Khối lượng
5	Tháo dỡ xà gồ	tấn	0,05
6	Tháo dỡ mái tôn	m ²	31,5
7	Tháo dỡ kết cấu BTCT	m ³	256,5
8	Vận chuyển đổ thải	m ³	270,8
9	San gạt mặt bằng vị trí đổ thải	100m ³	2,708
10	Tháo dỡ cột bê tông chữ H cao 4,5m	tấn	0,75
11	Tháo dỡ dây cáp điện	công	1
12	Tháo dỡ trạm điện	công	2
13	Tháo dỡ dây chuyền nghiền sàng Máy Thủ công	ca công	2 10
14	Di dời máy móc thiết bị	Chuyển	5
15	San lấp hồ lãng, Cống thoát nước trong khai trường	m ³	1.273,0
16	San gạt mặt bằng khai trường	100m ³	41,1
17	Mua đất màu	m ³	61,5
18	Trồng cây keo tai tượng Úc	ha	1,37
C	Khu vực xung quanh		
1	Gia cố tuyến đường ngoại mỏ	100 m ²	72,0
2	Nạo vét mương thoát nước	100 m ³	1,44

1.2. Thời gian thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường:

Bắt đầu từ tháng 5/2035 đến tháng 12/2036 (sau khi kết thúc khai thác theo Quyết định số 3415/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc điều chỉnh một số nội dung trong Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 249/GP-UBND ngày 30/7/2018 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH Hoàng Tuấn tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung).

2. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường sau khi mở kết thúc khai thác là 875.768.165 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn, một trăm sáu mươi lăm đồng).

- Số lần ký quỹ 11 lần.

- Số tiền ký quỹ đã thực hiện tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hóa đã bao gồm yếu tố trượt giá là 249.038.086 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu, không trăm ba mươi tám nghìn, không trăm tám mươi sáu đồng*).

- Số tiền còn lại phải ký quỹ: $875.768.165 - 249.038.086 = 626.730.079$ đồng (*Sáu trăm hai mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi nghìn, không trăm bảy mươi chín đồng*).

- Số lần còn lại phải ký quỹ: 11 (Mười một) lần.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu (20%): 125.346.016 đồng; Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu không quá 30 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành;

+ 10 (Mười) lần tiếp theo, số tiền mỗi lần: 50.138.406 đồng; Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi trong khoảng thời gian không quá 7 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ bảo vệ môi trường Thanh Hóa.

- Địa chỉ: Số 14 đường Hạc Thành, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Số tài khoản ký quỹ: 5010410752 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Hóa của Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hóa.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2023. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê hoặc cơ quan có thẩm quyền. Số tiền trượt giá hàng năm sẽ được Công ty TNHH Hoàng Tuấn tự kê khai, nộp tiền ký quỹ, thông báo cho Quỹ bảo vệ môi trường Thanh Hóa và được nộp cùng với số tiền ký quỹ hàng năm của cơ sở.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải y tế nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và hướng dẫn kỹ thuật phân loại chất thải rắn sinh hoạt

của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Quản lý chất thải rắn thông thường đảm bảo quy định.

2. Thực hiện giám sát, cảnh báo, đảm bảo an toàn đối với các khu vực mỏ khi thực hiện nổ mìn, tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

4. Tăng cường công tác phun tưới nước giảm bụi trên các tuyến đường vận chuyển ra vào mỏ, các tuyến đường vận chuyển chung ngoài mỏ, trồng cây xanh cách ly giảm thiểu tác động của bụi và tiếng ồn.

5. Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và thực hiện nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng nội dung Giấy phép môi trường này.

6. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường./.